TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2025/DSST
Ngày: 20/02/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Nghi và bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân–Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh– Kiểm sát viên**.**

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 07/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S.

Địa chỉ: số A, phường V, quận X, Tp. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tấn L– Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đ- Ngân hàng TMCP S – chi nhánh P. Theo giấy ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023.

Ông L ủy quyền lại cho ông Lê Nguyên C–Chức vụ: Chuyên viên khách hàng giao dịch Đ (Theo giấy ủy quyền ngày 23/9/2024). Địa chỉ: số A, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông C có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh Lê Nguyên C trình bày:

Ngày 09/6/2023 bà Lê Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P - Phòng giao dịch Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng – số hợp đồng 2767717 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà T thì Ngân hàng cấp

thẻ tín dụng cho bà Lê Thị T với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); với mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Lãi suất trong hạn: 2,76%/tháng. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp tín dụng bà T đã thực hiện giao dịch với số tiền là 46.000.000đ vào ngày 22/6/2023; số tiền 4.000.000đ ngày 22/7/2023 và số tiền 2.000.000đ vào ngày 22/01/2024.

Tính đến ngày 22/5/2024, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 18.407.000đ; Từ ngày 22/6/2024 đến nay bà T không thanh toán cho Ngân hàng thêm khoản tiền nào.

Đến ngày 23/9/2024, nhận thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Tính đến ngày 20/02/2025, bà T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc 68.532.004đ; nợ lãi quá hạn 2.346.810đ, tổng cộng: 70.878.814đ. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ nhưng bà T vẫn chưa thanh toán.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/02/2025 là 70.878.814đ. Ngoài ra bà T còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 21/02/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

- Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà T nhưng bà T không đến Tòa, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đều thực hiện đúng quy định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật, bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do; đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự (BLDS); khoản 4 Điều 4, Điều 100, Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/02/2025 là 70.878.814đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/02/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng. Về án phí: Bà T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn đăng ký thường trú tại huyện T, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng – số hợp đồng 2767717 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), thể hiện chữ ký của bà Lê Thị T phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Đủ cơ sở xác định: Vào ngày 09/6/2023, bà Lê Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn: 2,76%/tháng, lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện giao dịch với số tiền 52.000.000đ. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 18.407.000đ. Từ ngày 22/6/2024, bà T không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng nợ gốc và lãi, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn phù hợp với Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp quy định của các Điều 463, 466 của BLDS nên cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 20/02/2025 là 70.878.814đ (trong đó dư nợ gốc 68.532.004đ; nợ lãi quá hạn 2.346.810đ). Bà Lê Thị T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 21/02/2025.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 70.878.814đ x 5%=3.543.941đ; Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại; Điều 4, Điều 100, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 70.878.814đ *(Bảy mươi triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm mười bốn đồng)* (trong đó dư nợ gốc là 68.532.004đ; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/02/2025 là 2.346.810đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị T phải chịu 3.543.941đ *(Ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi mốt đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.474.708đ *(Một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ tám đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000202 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** *Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền